

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY
ĐỢT 1 NĂM 2026**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
Ngành Giáo dục học - Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học					
1	Dương Ngọc Trâm Anh	17/03/2003	048303007958	8,40	Định hướng nghiên cứu
2	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	08/01/2003	048303008387	9,75	Định hướng nghiên cứu
3	Nguyễn Hoàng Giang	08/02/2003	045303007190	9,17	Định hướng nghiên cứu
4	Nguyễn Hồng Hạnh	06/08/1997	049197006093	8,70	Định hướng nghiên cứu
5	Lê Công Hiến	10/05/1983	038083022653	8,38	Định hướng nghiên cứu
6	Nguyễn Lê Hồng Hoa	13/09/2003	048303001782	8,60	Định hướng nghiên cứu
7	Lê Thị Kim Hoàn	13/09/1993	048193003609	8,83	Định hướng nghiên cứu
8	Nguyễn Phan Nhật Lệ	19/11/1995	049195000507	8,40	Định hướng nghiên cứu
9	Huỳnh Phạm Trà Lý	02/11/1991	048191007400	8,40	Định hướng nghiên cứu
10	Lê Thị Mai	08/10/2003	064303002697	9,46	Định hướng nghiên cứu
11	Lê Thị Hoàng Phước	27/11/2003	070303002985	8,59	Định hướng nghiên cứu
12	Hồ Thị Nhã Phương	19/09/2003	048303007484	8,23	Định hướng nghiên cứu
13	Lê Thị Phương Thảo	28/02/1996	064196000604	8,82	Định hướng nghiên cứu
14	Nguyễn Phúc An	26/09/1990	074090002161	7,66	Định hướng ứng dụng
15	Bùi Thị Tuyết Anh	30/07/1992	079192004292	8,10	Định hướng ứng dụng
16	Trương Hồ Trâm Anh	15/06/1982	079182009206	7,80	Định hướng ứng dụng
17	Lê Thị Ngọc Ánh	10/05/1993	074193000691	7,66	Định hướng ứng dụng
18	Bùi Kim Anh	02/12/1990	074190002469	7,52	Định hướng ứng dụng
19	Hà Thị Tuyết Anh	30/05/1987	074187009319	7,21	Định hướng ứng dụng
20	An Thị Lan Anh	07/11/1996	030196009827	8,00	Định hướng ứng dụng
21	Hoàng Thảo Anh	24/12/1997	080197011806	9,18	Định hướng ứng dụng
22	Nguyễn Thị Anh	18/01/2002	038302015034	8,81	Định hướng ứng dụng
23	Ngô Đình Bảo	20/07/1993	074093002072	8,29	Định hướng ứng dụng
24	Bùi Thị Bình	18/10/1989	066189000151	7,76	Định hướng ứng dụng
25	Nguyễn Thúy Bình	21/03/1996	074196000372	7,69	Định hướng ứng dụng
26	Dương Hồng Châu	24/07/1979	079179027245	7,45	Định hướng ứng dụng
27	Nguyễn Thanh Chi	25/01/1991	074191003371	7,98	Định hướng ứng dụng
28	Phan Thị Thùy Chung	29/05/1977	040177008655	6,36	Định hướng ứng dụng
29	Bùi Thị Kim Chung	11/12/1990	074190006738	7,89	Định hướng ứng dụng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
30	Phan Thị Điềm	03/03/2003	049303000941	9,47	Định hướng ứng dụng
31	Trương Nguyễn Hoàng Doanh	20/04/2002	049302013567	8,07	Định hướng ứng dụng
32	Lê Thị Dự	07/05/1986	038186049407	7,89	Định hướng ứng dụng
33	Trần Thảo Dung	14/12/1999	079199017897	8,55	Định hướng ứng dụng
34	Nguyễn Thị Kim Dung	21/03/1991	074191000856	8,46	Định hướng ứng dụng
35	Lê Thùy Dương	20/10/1992	079192029225	8,38	Định hướng ứng dụng
36	Cao Ngọc Cẩm Dương	15/09/1995	074195002434	7,65	Định hướng ứng dụng
37	Lăng Thị Thùy Dương	07/02/1991	074191000307	7,95	Định hướng ứng dụng
38	Trần Nguyễn Ngọc Duyên	30/01/1995	079195017468	7,48	Định hướng ứng dụng
39	Nguyễn Ngọc Thùy Duyên	12/05/1987	079187018641	6,96	Định hướng ứng dụng
40	Nguyễn Hoàng Mỹ Duyên	08/11/2002	074302007364	8,39	Định hướng ứng dụng
41	Nguyễn Thị Hồng Giang	19/11/1987	074187005175	7,87	Định hướng ứng dụng
42	Lê Thị Giang	25/12/1995	074195004362	8,07	Định hướng ứng dụng
43	Phan Thị Cẩm Giang	10/02/1993	074193001566	7,80	Định hướng ứng dụng
44	Lê Thị Cẩm Giang	07/08/2000	074300000460	8,12	Định hướng ứng dụng
45	Lý Thị Ngọc Giàu	09/03/1996	052196000922	8,56	Định hướng ứng dụng
46	Lê Thị Hà	05/08/1990	042190000209	8,00	Định hướng ứng dụng
47	Phạm Thúy Hà	23/10/2003	042303002579	8,72	Định hướng ứng dụng
48	Hoàng Thị Thu Hằng	10/10/1994	070194000048	9,00	Định hướng ứng dụng
49	Nguyễn Thị Hằng	15/10/1987	037187001381	8,22	Định hướng ứng dụng
50	Nguyễn Thị Hằng	30/09/1991	074191002619	7,46	Định hướng ứng dụng
51	Võ Thị Kim Hoa	24/09/1993	074193000750	8,45	Định hướng ứng dụng
52	Nguyễn Kim Hồng	14/05/1989	074189002586	6,97	Định hướng ứng dụng
53	Phan Thị Hường	15/10/1988	042188001199	7,75	Định hướng ứng dụng
54	Võ Thị Kim Hương	08/04/1991	074191007788	8,20	Định hướng ứng dụng
55	Lê Thị Ngọc Hương	20/05/2002	074302002750	8,01	Định hướng ứng dụng
56	Nguyễn Quỳnh Hương	25/07/2002	051302010561	7,77	Định hướng ứng dụng
57	Nguyễn Thị Huyền	20/09/1998	044198001103	7,83	Định hướng ứng dụng
58	Lê Thị Kim Huyền	23/02/1995	074195001659	8,34	Định hướng ứng dụng
59	Huỳnh Thị Kim Khánh	06/10/1991	074191000916	7,65	Định hướng ứng dụng
60	Nguyễn Thụy Kiều	20/10/1983	051183000723	6,56	Định hướng ứng dụng
61	Nguyễn Ánh Lan	19/02/1988	079188019431	8,38	Định hướng ứng dụng
62	Lê Đình Phương Lan	28/01/1980	079180031111	6,51	Định hướng ứng dụng
63	Hà Thị Thùy Linh	11/02/2002	034302013604	8,09	Định hướng ứng dụng
64	Đặng Thị Linh	26/10/1990	040190007384	7,56	Định hướng ứng dụng
65	Trần Thị Mỹ Linh	15/04/1993	074193001975	7,54	Định hướng ứng dụng
66	Nguyễn Thị Linh	24/05/1993	074193001739	7,35	Định hướng ứng dụng
67	Lữ Đặng Kim Loan	12/12/1990	074190006832	7,52	Định hướng ứng dụng
68	Trần Thị Thúy Loan	18/05/1991	074191001471	7,34	Định hướng ứng dụng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
69	Lê Đoàn Khánh Ly	30/09/2002	067302000042	8,47	Định hướng ứng dụng
70	Phạm Thị Tuyết Mai	30/04/1981	079181021837	8,39	Định hướng ứng dụng
71	Phạm Thị Thủy Mai	20/10/1977	042177015779	5,99	Định hướng ứng dụng
72	Lê Tuyết Mai	11/11/1995	074195006101	8,27	Định hướng ứng dụng
73	Trần Thông Minh	07/11/1993	079093030611	7,44	Định hướng ứng dụng
74	Nguyễn Thị Thúy Nga	24/03/1988	079188036431	7,39	Định hướng ứng dụng
75	Nguyễn Thị Nga	28/08/1992	038192016149	7,34	Định hướng ứng dụng
76	Nguyễn Thị Ngoan	22/01/1992	068192000252	8,00	Định hướng ứng dụng
77	Hồ Thị Ánh Ngọc	29/10/2003	049303008335	9,67	Định hướng ứng dụng
78	Mai Thị Vũ Nguyên	01/07/2002	049302003793	8,94	Định hướng ứng dụng
79	Nguyễn Ngọc Nhật	21/07/1997	042097003127	7,81	Định hướng ứng dụng
80	Nguyễn Thảo Nhi	12/10/2003	048303008594	9,33	Định hướng ứng dụng
81	Đỗ Hồng Nhi	15/02/1993	074193001772	8,15	Định hướng ứng dụng
82	Châu Yến Nhi	21/09/1992	074192001033	7,90	Định hướng ứng dụng
83	Trần Mỹ Huỳnh Như	04/02/1995	079195018754	8,66	Định hướng ứng dụng
84	Nguyễn Thị Nhung	27/01/1998	027198001472	7,81	Định hướng ứng dụng
85	Trịnh Thị Nữ	24/07/2003	049303003557	9,36	Định hướng ứng dụng
86	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/03/1982	027182006008	8,50	Định hướng ứng dụng
87	Huỳnh Thị Trúc Phương	24/02/1991	079191018731	6,40	Định hướng ứng dụng
88	Trần Yến Phương	14/02/1995	086195007115	7,82	Định hướng ứng dụng
89	Phạm Thị Thùy Phương	11/08/1979	079179010305	7,27	Định hướng ứng dụng
90	Nguyễn Thanh Phương	25/01/1991	074191003370	7,80	Định hướng ứng dụng
91	Đào Thị Thùy Phương	02/12/1980	074180002872	6,79	Định hướng ứng dụng
92	Nguyễn Thị Ngọc Phương	07/07/1997	048197007836	8,60	Định hướng ứng dụng
93	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	17/12/2003	048303009536	9,88	Định hướng ứng dụng
94	Lê Thị Hồng Quyên	10/04/1992	074192002167	8,24	Định hướng ứng dụng
95	Nguyễn Thị Lệ Quyên	27/01/1991	026191006151	7,78	Định hướng ứng dụng
96	Nguyễn Văn Quỳnh	26/07/1977	037077004482	8,25	Định hướng ứng dụng
97	Nguyễn Thị Thanh Sang	14/05/1992	079192020913	8,25	Định hướng ứng dụng
98	Võ Ngọc Thanh Sương	25/05/1982	080182000849	7,67	Định hướng ứng dụng
99	Huỳnh Thùy Tâm	17/07/2003	066303014950	9,35	Định hướng ứng dụng
100	Từ Hoàng Phương Thanh	05/04/1998	079198010767	8,22	Định hướng ứng dụng
101	Nguyễn Thị Thanh	14/12/1990	024190019677	7,77	Định hướng ứng dụng
102	Hồ Thị Thảo	10/08/1993	045193011871	8,30	Định hướng ứng dụng
103	Cao Thị Thu Thảo	09/09/1996	074196001872	7,73	Định hướng ứng dụng
104	Lại Nguyễn Thương Thảo	07/12/1994	074194002331	7,30	Định hướng ứng dụng
105	Châu Mỹ Thảo	19/01/1993	074193001992	7,72	Định hướng ứng dụng
106	Phạm Thị Hồng Thi	26/06/1994	060194000018	8,41	Định hướng ứng dụng
107	Vũ Thị Thoa	01/07/1985	035185003721	7,20	Định hướng ứng dụng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
108	Lê Đình Thị Anh Thư	29/10/2003	048303005977	9,16	Định hướng ứng dụng
109	Phạm Anh Thư	16/08/1993	074193002181	8,40	Định hướng ứng dụng
110	Hoàng Thị Thu	08/11/1992	074192000455	7,75	Định hướng ứng dụng
111	Trần Hoàng Song Thương	26/09/1997	079197018305	8,44	Định hướng ứng dụng
112	Võ Thị Thanh Thúy	04/12/1987	049187006277	8,12	Định hướng ứng dụng
113	Phương Thanh Thủy	22/07/1994	074194001888	8,47	Định hướng ứng dụng
114	Nguyễn Thị Thanh Thủy	20/12/1989	074189000946	8,00	Định hướng ứng dụng
115	Bùi Thị Ngọc Thúy	11/03/1993	075193002909	8,01	Định hướng ứng dụng
116	Nguyễn Thị Xuân Tiên	02/09/2001	048301000534	8,80	Định hướng ứng dụng
117	Nguyễn Thị Tiến	02/01/2000	049300003919	9,01	Định hướng ứng dụng
118	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	31/08/1996	079196036183	7,65	Định hướng ứng dụng
119	Ngô Nguyên Tín	30/10/1996	052096008695	8,26	Định hướng ứng dụng
120	Lưu Ngọc Toàn	12/04/1990	074090001718	8,05	Định hướng ứng dụng
121	Nguyễn Võ Huyền Trân	15/12/2003	051303009903	8,61	Định hướng ứng dụng
122	Nguyễn Thị Thùy Trang	02/06/2002	040302001522	8,36	Định hướng ứng dụng
123	Trần Phạm Ngọc Trang	17/04/1984	079184036568	6,73	Định hướng ứng dụng
124	Trần Thị Thu Trang	17/05/1991	074191008544	7,82	Định hướng ứng dụng
125	Nguyễn Võ Hồng Trang	19/10/1996	074196000604	7,84	Định hướng ứng dụng
126	Nguyễn Hải Triều	03/03/1994	079194015972	8,12	Định hướng ứng dụng
127	Nguyễn Trịnh Ngọc Trinh	13/10/2003	049303001055	9,21	Định hướng ứng dụng
128	Lê Thị Mộng Trinh	22/11/1991	074191006217	7,34	Định hướng ứng dụng
129	Trần Thị Thu Trúc	02/04/1992	074192001560	7,93	Định hướng ứng dụng
130	Nguyễn Thiên Minh Tú	18/01/2000	080300000271	8,14	Định hướng ứng dụng
131	Nguyễn Trần Thanh Tuyền	17/05/1999	079199017432	7,35	Định hướng ứng dụng
132	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	14/05/1994	080194001423	8,54	Định hướng ứng dụng
133	Nguyễn Thanh Tuyền	04/05/1989	079189012846	7,97	Định hướng ứng dụng
134	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	21/07/1991	074191000013	7,25	Định hướng ứng dụng
135	Huỳnh Thị Tuyết Vân	29/12/1991	079191025036	8,25	Định hướng ứng dụng
136	Nguyễn Thị Thu Vân	15/10/1990	083190010243	7,91	Định hướng ứng dụng
137	Phan Thị Tường Vi	07/10/2003	049303006638	9,56	Định hướng ứng dụng
138	Trần Thị Việt	26/09/1989	040189019578	8,49	Định hướng ứng dụng
139	Trương Thị Như Ý	16/03/1997	051197005351	8,00	Định hướng ứng dụng
140	Lê Hoàng Yên	04/09/2003	048303008386	9,27	Định hướng ứng dụng
141	Nguyễn Thị Ngọc Yến	24/07/1992	079192013265	8,33	Định hướng ứng dụng
142	Trần Thị Kim Yến	11/10/1991	074191005543	8,62	Định hướng ứng dụng
143	Đỗ Thị Yến	27/12/1983	034183026144	7,38	Định hướng ứng dụng
144	Dương Thị Yến	28/11/2002	040302013275	8,19	Định hướng ứng dụng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
Ngành Giáo dục học - Chuyên ngành Giáo dục Mầm non					
1	Nguyễn Thị Lượng	16/02/1989	040189030859	7,50	Định hướng ứng dụng
2	Nguyễn Kiều My	01/07/2003	052303000971	8,69	Định hướng ứng dụng
3	Ngô Thị Ngọc Nhung	20/04/1988	048188003864	6,50	Định hướng ứng dụng
4	Huỳnh Hà Ngọc Phương	20/06/2003	048303001825	8,91	Định hướng ứng dụng
5	Phan Thị Hoài Thân	27/03/1998	062198002797	8,88	Định hướng ứng dụng
6	Dương Thị Hồng Thúy	02/09/1985	068185009875	7,82	Định hướng ứng dụng
7	Trần Thị Thu Trang	25/04/1984	048184006088	7,40	Định hướng ứng dụng
8	Trần Thị Trang	01/02/1987	048187005225	8,64	Định hướng ứng dụng
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán					
1	Trần Kỳ Anh	25/12/1995	075195007322	7,35	Định hướng ứng dụng
2	Nguyễn Phước Diễm	17/05/1999	048199000412	8,71	Định hướng ứng dụng
3	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	30/10/1997	049197005528	7,63	Định hướng ứng dụng
4	Đoàn Ngọc Huân	16/10/2003	048203006226	8,51	Định hướng ứng dụng
5	Đặng Thị Huệ	07/05/1983	036183020823	7,85	Định hướng ứng dụng
6	Hồ Thị Hoàng Huy	10/10/1999	048199005299	8,65	Định hướng ứng dụng
7	Lê Thị Linh	01/01/2002	048302006700	7,90	Định hướng ứng dụng
8	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	02/09/2003	049303012497	8,33	Định hướng ứng dụng
9	Trần Khả Ny	06/11/2003	051303008527	8,26	Định hướng ứng dụng
10	Trần Thị Diễm Quỳnh	20/11/2002	062302003594	8,43	Định hướng ứng dụng
11	Nguyễn Như Quỳnh	28/11/2002	048302003766	8,28	Định hướng ứng dụng
12	Trần Bình Tâm	06/01/2003	066203014125	7,54	Định hướng ứng dụng
13	Trần Lê Thanh Thái	22/03/2003	048303007952	8,18	Định hướng ứng dụng
14	Hồ Thị Thu Thảo	25/11/2003	048303001233	8,08	Định hướng ứng dụng
15	Nguyễn Thị Thanh Thảo	31/01/2003	048303006698	8,42	Định hướng ứng dụng
16	Ngô Quỳnh Trâm	09/11/2003	051303004921	8,39	Định hướng ứng dụng
17	Nguyễn Thị Hạ Uyên	20/02/2002	048302001055	8,00	Định hướng ứng dụng
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học					
1	Võ Anh Dũng	07/04/2003	051203000586	8,36	Định hướng ứng dụng
2	Nguyễn Thị Hiếu	20/11/1998	038198022819	7,37	Định hướng ứng dụng
3	Nguyễn Đình Toàn	22/10/2003	046203000521	8,45	Định hướng ứng dụng
4	Lê Đăng Anh Tú	03/04/2003	058203001376	8,29	Định hướng ứng dụng
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý					
1	Trần Phương Anh	27/11/2003	048303000328	8,72	Định hướng nghiên cứu
2	Đoàn Gia Bảo	27/12/2003	049203002260	8,46	Định hướng nghiên cứu
3	Lê Thị Duyên	06/01/1998	049198001384	7,89	Định hướng nghiên cứu

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
4	Võ Nguyễn Hương Giang	26/08/2003	048303008501	8,51	Định hướng nghiên cứu
5	Nguyễn Khánh Ly	26/05/2003	051303002494	8,09	Định hướng nghiên cứu
6	Nguyễn Hoàng Nam	27/01/2003	048203004854	7,83	Định hướng nghiên cứu
7	Trần Nhã Ny	06/11/2003	051303009618	8,27	Định hướng nghiên cứu
8	Nguyễn Thị Hoàng Tâm	24/09/2003	048303003418	9,24	Định hướng nghiên cứu
9	Hà Phương Thanh	04/12/2003	048303001750	9,74	Định hướng nghiên cứu
10	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	09/10/2003	049303006739	8,55	Định hướng nghiên cứu
11	Nguyễn Nhật Uyên	28/10/2003	049303013726	8,38	Định hướng nghiên cứu
12	Trần Hồng Vân	30/08/2003	064303015237	9,20	Định hướng nghiên cứu
13	Ngô Hoàng Lan Viên	29/08/2003	048303006605	8,47	Định hướng nghiên cứu
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học					
1	Lê Hương Ly	22/03/2003	048303004749	9,34	Định hướng nghiên cứu
2	Huỳnh Thị Hải Vân	19/11/2003	048303000859	7,76	Định hướng nghiên cứu
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Khoa học tự nhiên					
1	Nguyễn Thị Thùy Dương	08/08/2003	048303007432	9,36	Định hướng nghiên cứu
2	Nguyễn Đăng Trung Hiếu	24/01/2003	044203000084	8,55	Định hướng nghiên cứu
3	Trần Quang Huy	15/03/2003	051203013809	8,15	Định hướng nghiên cứu
4	Nguyễn Thị Thùy Linh	18/04/2003	049303006767	8,30	Định hướng nghiên cứu
5	Nguyễn Hữu Luân	23/08/2001	087201005419	8,42	Định hướng nghiên cứu
6	Nguyễn Quỳnh Lê Na	02/09/2003	066303002166	8,81	Định hướng nghiên cứu
7	Nguyễn Thị Hồng Nhi	28/01/2003	051303002252	8,64	Định hướng nghiên cứu
8	Nguyễn Thị Thu Nhuận	04/11/2003	049303001565	8,60	Định hướng nghiên cứu
9	Nguyễn Thị Lan Phương	27/08/2003	049303011055	8,87	Định hướng nghiên cứu
10	Nguyễn Thị Kim Phương	07/07/2003	048303001533	8,55	Định hướng nghiên cứu
11	Bùi Thị Nguyên Phương	22/12/2022	068302005820	9,63	Định hướng nghiên cứu
12	Nguyễn Trương Như Quỳnh	30/09/2002	051302000562	8,39	Định hướng nghiên cứu
13	Trần Thị Thanh Tâm	12/06/2002	048302002306	8,63	Định hướng nghiên cứu
14	Hồ Thị Thu	26/04/2002	048302000621	8,66	Định hướng nghiên cứu
15	Nguyễn Thị Thuận	13/10/2003	049303006056	8,38	Định hướng nghiên cứu
16	Đinh Thị Thương	24/02/2003	048303003076	8,90	Định hướng nghiên cứu
17	Nguyễn Thị Mai Tiên	06/06/2003	049303001640	8,33	Định hướng nghiên cứu
18	Nguyễn Thị Bích Trâm	20/11/2003	049303006368	8,63	Định hướng nghiên cứu
19	Phạm Phương Trúc	11/03/2003	049303002774	9,27	Định hướng nghiên cứu
20	Võ Thành Trung	08/09/2003	051203004417	8,12	Định hướng nghiên cứu
21	Phan Thị Thanh Tuyền	02/04/2002	049302002612	10,00	Định hướng nghiên cứu
22	Nguyễn Thị Kiều Vân	05/09/2003	049303000858	8,79	Định hướng nghiên cứu
23	Phạm Thị Kim Yền	17/06/2003	048303003889	8,54	Định hướng nghiên cứu

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc					
1	Trần Hải Bằng	01/10/2000	058200005735	8,57	Định hướng nghiên cứu
2	Hồ Thị Triều Châu	07/04/2000	066300008515	8,03	Định hướng nghiên cứu
3	Chu Công Cương	07/08/1981	079081030793	8,03	Định hướng nghiên cứu
4	Tạ Anh Đức	24/05/1996	048096000701	8,52	Định hướng nghiên cứu
5	Võ Khánh Duy	18/04/1983	095083001157	7,70	Định hướng nghiên cứu
6	Hoàng Hải	14/03/1980	036080005443	7,33	Định hướng nghiên cứu
7	Ngô Thị Hằng	20/06/1998	051198012842	8,45	Định hướng nghiên cứu
8	Đào Tuấn Hùng	15/11/1993	070093010857	8,40	Định hướng nghiên cứu
9	Nguyễn Hoàng Gia Huy	26/02/2000	075200005325	8,54	Định hướng nghiên cứu
10	Đặng Thị Huyền	20/01/1994	051194013268	8,31	Định hướng nghiên cứu
11	Nguyễn Thị Minh Khuyên	01/06/2002	064302005328	9,36	Định hướng nghiên cứu
12	Đoàn Phan Sơn Lâm	06/03/2002	068202008202	7,59	Định hướng nghiên cứu
13	Quách Cẩm Linh	08/02/1996	095196008979	8,88	Định hướng nghiên cứu
14	Lê Thành Lợi	23/09/1997	079097010574	8,33	Định hướng nghiên cứu
15	Trần Thị Thảo Ngân	08/09/1994	075194007343	8,47	Định hướng nghiên cứu
16	Phan Trung Nghĩa	01/05/1996	052096016553	8,14	Định hướng nghiên cứu
17	Đặng Văn Sử	20/12/1999	044099000363	8,51	Định hướng nghiên cứu
18	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12/01/1990	038190029968	8,40	Định hướng nghiên cứu
19	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/03/1990	087190013956	7,94	Định hướng nghiên cứu
20	Nguyễn Thạch Thảo	02/03/1995	049195003254	8,29	Định hướng nghiên cứu
21	Huỳnh Đức Thiên	09/02/1992	054092005306	7,96	Định hướng nghiên cứu
22	Lê Văn Thức	23/11/1991	038091050907	8,20	Định hướng nghiên cứu
23	Nguyễn Thị Hoàng Thương	19/05/1986	079186026422	8,34	Định hướng nghiên cứu
24	Phạm Thị Thuỳên	21/09/2000	049300002905	8,41	Định hướng nghiên cứu
25	Ngô Việt Tiếng	06/01/2001	060201007767	8,52	Định hướng nghiên cứu
26	Nguyễn Hữu Toàn	26/07/1984	074084000217	9,33	Định hướng nghiên cứu
27	Nguyễn Thanh Tùng	22/08/1989	051089013123	9,64	Định hướng nghiên cứu
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục công dân					
1	Nguyễn Thị Hoài Nam	16/11/1997	042197005098	8,53	Định hướng nghiên cứu
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn					
1	Hoàng Thị Kim Anh	13/02/1993	038193043968	8,62	Định hướng nghiên cứu
2	Đỗ Thị Lê Phương Anh	11/07/1996	096196008788	9,35	Định hướng nghiên cứu
3	Đàm Thị Kim Chi	08/03/1997	051197010527	8,75	Định hướng nghiên cứu
4	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	27/03/2001	048301007360	8,11	Định hướng nghiên cứu
5	Lê Thị Việt Hạnh	02/11/2003	048303005395	8,71	Định hướng nghiên cứu
6	Huỳnh Thị Nhật Hoà	09/05/2002	048302007736	8,30	Định hướng nghiên cứu

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
7	Châu Mỹ Linh	10/11/2003	049303015338	9,42	Định hướng nghiên cứu
8	Huỳnh Thị Thùy Linh	13/07/2003	048303001932	9,17	Định hướng nghiên cứu
9	Đặng Thị Thúy Nga	26/07/2002	048302007146	9,26	Định hướng nghiên cứu
10	Phùng Diệu Như Phương	19/04/2000	048300006731	8,58	Định hướng nghiên cứu
11	Dương Minh Quyên	12/11/2002	048302006409	8,40	Định hướng nghiên cứu
12	Bùi Vy Nhật Quyên	17/09/2003	051303004099	8,32	Định hướng nghiên cứu
13	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/09/2002	049302001208	8,33	Định hướng nghiên cứu
14	Phạm Phương Thảo	10/01/2003	038303024961	8,89	Định hướng nghiên cứu
15	Nguyễn Hoàng Anh Thư	19/03/2003	048303007039	8,73	Định hướng nghiên cứu
16	Nguyễn Thị Quế Thuận	04/09/2002	048302007104	8,37	Định hướng nghiên cứu
17	Trần Thị Thanh Vân	10/12/2002	049302000789	8,30	Định hướng nghiên cứu
18	Hà Thị Thanh Vân	10/11/2003	048303002332	8,85	Định hướng nghiên cứu
19	Trần Thị Ánh Vân	07/05/2003	048303006979	8,67	Định hướng nghiên cứu
20	Nguyễn Tường Vi	29/09/2002	049302011828	8,13	Định hướng nghiên cứu
21	Nguyễn Thị Như Ý	09/11/2003	048303004459	9,32	Định hướng nghiên cứu
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý					
1	Trương Tiến Đạt	06/02/2003	044203003941	8,81	Định hướng nghiên cứu
2	Võ Thị Nhật Lệ	15/08/2003	066303011030	7,95	Định hướng nghiên cứu
3	Trần Thị Thanh Thảo	04/03/2003	048303005592	8,56	Định hướng nghiên cứu
4	Bùi Thị Phương Trang	12/10/2003	051303004509	8,15	Định hướng nghiên cứu
5	Đỗ Hoàng Tường Vy	15/04/1998	049198003729	7,44	Định hướng nghiên cứu
Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử					
1	Trương Vĩnh Duy	11/06/1996	066096002281	8,71	Định hướng nghiên cứu
2	Đoàn Văn Lam	22/03/2003	049203003087	9,61	Định hướng nghiên cứu
3	Arát Li Sân Ni	24/01/2003	049303005395	8,73	Định hướng nghiên cứu
4	Nguyễn Thị Thúy Quyên	26/01/2001	066301019919	9,50	Định hướng nghiên cứu
5	Trần Ngọc Thìn	04/01/2001	044201002398	9,57	Định hướng nghiên cứu
6	Trần Chí Vĩ	21/10/2001	049201002717	8,95	Định hướng nghiên cứu
Ngành Giáo dục và phát triển cộng đồng					
1	Lê Đình Lượng	28/08/1994	048094004973	8,00	Định hướng ứng dụng
Ngành Quản lý giáo dục					
1	Nguyễn Ngô Ngọc Anh	23/10/1981	080181011675	6,83	Định hướng ứng dụng
2	Trần Thanh Bình	07/07/2000	079200038451	7,61	Định hướng ứng dụng
3	Lê Thị Phương Dung	24/11/1989	079189035372	6,81	Định hướng ứng dụng
4	Trần Thị Mỹ Hạnh	13/12/1995	052195019197	7,35	Định hướng ứng dụng
5	Nguyễn Thị Thu Hiền	07/12/1982	070182000047	6,93	Định hướng ứng dụng
6	Bùi Thị Thanh Huyền	15/10/1989	056189011287	7,87	Định hướng ứng dụng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
7	Nguyễn Hoàng Linh	22/05/1990	079090005189	7,34	Định hướng ứng dụng
8	Huỳnh Duy Linh	21/10/1977	048077007563	7,75	Định hướng ứng dụng
9	Phan Ngọc Hải Loan	24/02/1983	054183011373	8,43	Định hướng ứng dụng
10	Nguyễn Thị Mai	04/10/1986	038186024768	6,91	Định hướng ứng dụng
11	Phạm Kim Ngân	11/11/1981	048081001488	6,69	Định hướng ứng dụng
12	Hoàng Trung Nhiên	03/04/1990	079090000945	5,50	Định hướng ứng dụng
13	Dương Ngọc Tú Quỳnh	19/03/1977	086177002792	6,98	Định hướng ứng dụng
14	Nguyễn Thị Kim Sương	25/10/1978	079178032981	5,96	Định hướng ứng dụng
15	Nguyễn Thị Hồng Thắm	29/10/1985	079185039265	7,00	Định hướng ứng dụng
16	Trình Thị Thi	25/09/1979	079179019284	6,77	Định hướng ứng dụng
17	Nguyễn Thị Thanh Thủy	01/12/1985	036185002399	6,40	Định hướng ứng dụng
18	Lê Đức Tiến	22/08/1996	079096026769	7,82	Định hướng ứng dụng
19	Đỗ Minh Trí	08/04/1994	079094036710	7,10	Định hướng ứng dụng
20	Trần Lương Thu Trúc	19/06/2002	079302001223	8,79	Định hướng ứng dụng
21	Nguyễn Thị Minh Tuyết	13/10/1983	056183001315	6,14	Định hướng ứng dụng
22	Lê Huỳnh Hà Vân	23/05/1988	048188004417	8,03	Định hướng ứng dụng
Ngành Lịch sử Việt Nam					
1	Bùi Tấn Hưng	10/11/2003	048203001035	8,83	Định hướng nghiên cứu
2	Nguyễn Thị Vi Hương	05/08/2003	051303003223	7,97	Định hướng nghiên cứu
3	Trần Lê Thị Như Nguyệt	25/11/2002	048302003118	8,48	Định hướng nghiên cứu
4	Thái Phan Thanh Tiền	02/02/2002	048302004750	8,32	Định hướng nghiên cứu
5	Phùng Thế Toàn	25/06/2002	064202004951	8,91	Định hướng nghiên cứu
Ngành Ngôn ngữ học					
1	Phan Trần Hải Anh	16/12/2002	048302000529	8,38	Định hướng nghiên cứu
2	Nguyễn Thị Hồng Diễm	12/08/2002	049302005562	9,06	Định hướng nghiên cứu
3	Võ Ngọc Hân	28/02/2003	048303005941	8,53	Định hướng nghiên cứu
4	Trần Thiên Khải	22/05/2002	049202009783	8,37	Định hướng nghiên cứu
5	Lê Thị Diễm Kiều	15/07/1998	087198010759	8,17	Định hướng nghiên cứu
6	Nguyễn Thị Ý Lộc	23/11/1997	051197001176	8,73	Định hướng nghiên cứu
7	Nguyễn Thị Cẩm Ly	05/03/2002	048302001243	8,55	Định hướng nghiên cứu
8	Trần Thị Kim Ngân	20/02/1992	045192003080	8,07	Định hướng nghiên cứu
9	Nguyễn Văn Ngọc	18/11/2001	036201002962	8,33	Định hướng nghiên cứu
10	Nguyễn Thanh Nhật	27/11/2003	051203006967	8,75	Định hướng nghiên cứu
11	Đinh Thị Tám	09/06/2003	051303001879	8,84	Định hướng nghiên cứu
12	Phan Thị Thanh Thủy	27/05/1990	064190006599	9,00	Định hướng nghiên cứu
Ngành Văn học					
1	Nguyễn Lê Thành Đạt	20/09/2001	048201001939	8,47	Định hướng nghiên cứu
2	Lê Phan Lam Duyên	01/01/2003	049303003443	8,37	Định hướng nghiên cứu

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
3	Võ Kiều Duyên	14/08/2000	049300012267	9,54	Định hướng nghiên cứu
4	Từ Mai Vy Hạ	09/09/1999	051199011004	7,97	Định hướng nghiên cứu
5	Nguyễn Thị Hồng Liên	03/10/2003	037303010715	8,62	Định hướng nghiên cứu
6	Trịnh Thị Hồng Linh	26/06/1995	049195000616	9,58	Định hướng nghiên cứu
7	Lê Đàm Uyên Nhi	03/02/2002	051302006599	9,40	Định hướng nghiên cứu
8	Phạm Nguyên Phương	05/04/2002	049302010385	8,23	Định hướng nghiên cứu
9	Phan Thị Diệu Thảo	02/09/2002	048302006750	8,49	Định hướng nghiên cứu
Ngành Sinh học					
1	Phạm Thị Khánh Giang	02/09/1993	049193012526	8,00	Định hướng nghiên cứu
Ngành Hóa học					
1	Phạm Nguyễn Liên Chi	25/02/2002	048302006287	8,39	Định hướng nghiên cứu
2	Nguyễn Thị Dung	29/11/2003	049303013177	8,04	Định hướng nghiên cứu
3	Phạm Hoàng Ngân	24/07/2002	048302007049	8,13	Định hướng nghiên cứu
4	Bùi Thị Yên Nhi	29/09/2003	049303002146	8,39	Định hướng nghiên cứu
5	Trần Thị Kim Phượng	04/04/1996	049196000989	9,05	Định hướng nghiên cứu
6	Thái Phúc Bảo Trân	26/04/2001	048301002799	8,82	Định hướng nghiên cứu
7	Ngô Thị Cẩm Tú	09/07/2003	048303001056	7,24	Định hướng nghiên cứu
8	Lê Trần Hồng Vi	06/07/2002	064302008287	7,70	Định hướng nghiên cứu
Ngành Tâm lý học					
1	Huỳnh Thị Thảo Ly	07/04/1997	070197009092	9,00	Định hướng nghiên cứu
2	Nguyễn Lê Hà Thanh Na	25/03/1985	048185000089	9,75	Định hướng nghiên cứu
3	Phan Quang Nhật	16/05/2003	048203002265	8,41	Định hướng nghiên cứu
4	Nguyễn Lưu Viết Quân	31/01/1986	079086000224	10,00	Định hướng nghiên cứu
5	Nguyễn Thùy Dương	01/01/2003	051303011663	7,95	Định hướng ứng dụng
6	Nguyễn Gia Huy	08/05/2022	048202004981	8,44	Định hướng ứng dụng
7	Nguyễn Khánh Linh	13/10/2001	048301004279	8,87	Định hướng ứng dụng
8	Nguyễn Hoàng Y Nguyên	01/11/1991	048191003364	9,75	Định hướng ứng dụng
9	Trần Thị Hải Tú	23/05/2003	056303008923	7,94	Định hướng ứng dụng
10	Võ Thị Hà Vi	09/04/2003	064303001563	8,40	Định hướng ứng dụng
Ngành Khoa học vật liệu					
1	Trần Chính Hoàng	21/04/2003	044203008799	7,97	Định hướng nghiên cứu
2	Trương Văn Minh	25/01/2003	048203008020	8,71	Định hướng nghiên cứu
3	Nguyễn Ngọc Minh Trí	19/11/2003	048203003743	8,80	Định hướng nghiên cứu
Ngành Toán học					
1	Trần Thị Ngọc Vy	19/12/2003	049303011664	7,51	Định hướng nghiên cứu

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CCCD	Điểm trúng tuyển (thang điểm 10)	Định hướng CTĐT
Ngành Phương pháp toán sơ cấp					
1	Nguyễn Thiên An	09/12/2000	048300003090	8,85	Định hướng ứng dụng
2	Đoàn Thị Khánh Chi	06/11/1989	042189005842	7,12	Định hướng ứng dụng
3	Trần Tôn Bội Hân	27/03/2003	051303004206	8,49	Định hướng ứng dụng
4	Nguyễn Ngọc Anh Huy	19/09/2002	048202006610	8,20	Định hướng ứng dụng
5	Trần Đình Lâm Huy	26/01/2002	048202002749	7,55	Định hướng ứng dụng
6	Nguyễn Văn Kha	23/01/2002	048202002946	8,20	Định hướng ứng dụng
7	Mạc Hữu Lộc	19/11/2002	048202005891	9,42	Định hướng ứng dụng
8	Ngô Đỗ Yến Nhi	13/06/2002	049302011190	8,11	Định hướng ứng dụng
9	Đặng Thanh Tùng	20/10/1998	048098004844	8,56	Định hướng ứng dụng
10	Trần Phúc Như Ý	22/08/2002	048302000293	7,88	Định hướng ứng dụng
Ngành Công tác xã hội					
1	Đặng Ngọc Bảo Châu	06/06/2001	066301016481	9,47	Định hướng ứng dụng
Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường					
1	Nguyễn Phước Long	02/03/1997	048097000380	8,56	Định hướng ứng dụng

Danh sách này có 355 thí sinh./.